

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 773/2026/DS-PT

Ngày: 17-7-2026

V/v “Tranh chấp chia thừa kế
quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lâm.

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Thọ.

Bà Nguyễn Thị Trang Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thẩm tra viên Tòa án, Tòa
án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Nguyễn Thị
Hồng Thắm - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân thành phố Cần Thơ xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 829/2026/TLPT-DS ngày 02 tháng 6 năm
2026 về việc “Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2026/DS-ST ngày 04 tháng 02 năm 2026 của
Tòa án nhân dân KV - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1042/2026/QĐXX-PT
ngày 19 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T; sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Khu V, phường Đ, thành phố Cần Thơ, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn X; sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Khu V, phường Đ, thành phố Cần Thơ, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phạm Thị S, sinh năm 1960.

3.2. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Khu V, phường Đ, thành phố Cần Thơ, xin vắng mặt.

3.3. Ông Phạm Văn V, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp L, xã H, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

3.4. Ông Phạm Ngọc N, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu V, phường Đ, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

3.5. Bà Phạm Nguyễn Loan T1, sinh năm 2004.

Địa chỉ: Số B, Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

3.6. Ông Phạm Chiến C, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ.

3.7. Bà Phạm Thị Kim H1, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Ấp L, xã H, thành phố Cần Thơ.

3.8. Bà Phạm Kim C2 (tên gọi khác gọi Chung L), sinh năm 1963.

Địa chỉ: Khu V, phường Đ, thành phố Cần Thơ.

3.9. Bà Trần Thị Kim C1 (tên gọi khác; Chung N1) sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số F, khóm T, phường N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Kim C2, bà Trần Thị Kim C1, ông Phạm Chiến C, bà Phạm Thị Kim H1: Ông Phạm Ngọc N, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu V, phường Đ, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

3.10. Bà Trần Thị Mỹ H2 sinh năm 1972.

3.11. Bà Trần Thị Mỹ P, sinh năm 1974.

3.12. Bà Nguyễn Thúy H4 sinh năm 1981.

3.13. Ông Nguyễn Duy M, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Phạm Văn T là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/01/2023 nguyên đơn Phạm Văn T trình bày: Ông Phạm Văn N2, sinh năm 1931 (mất năm 1997) là cha ruột của nguyên đơn. Lúc sinh thời ông N2 có hai người vợ là Hồ Thị L1, sinh năm 1942 (mất năm 2006) và Mạch Thị Q, sinh năm 1942 (mất 1992). Ông N2 kết hôn với bà L1 sinh được 04 (bốn) người con gồm: Phạm Văn S1, Phạm Văn T, Phạm Thị H và Phạm Văn V. Ông N2 kết hôn với bà Q có 02 người con gồm Phạm Văn N3 và Phạm Văn X. Ông N2 chết không để lại di chúc, có để lại một phần đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: CH00257, diện tích 2.367,2m², tờ bản đồ số 15, địa chỉ: ấp Đ, xã T, thành phố N, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 16/01/2019 cho hộ ông Phạm Văn X. Theo mảnh trích đo địa chính số 179/CHK, ngày 31/10/2025 của Công ty cổ phần Đ1 và thiết kế xây dựng CHK, phần đất tranh chấp có tổng diện tích 2.280,0m². Trên phần đất có một căn nhà cấp 4 do nguyên đơn xây dựng vào năm 2012, diện tích nhà chính: 45,6m², nhà phụ: 14,8m², nguyên đơn đang sinh sống và thờ cúng cha mẹ. Trên phần đất trên gồm có các loại cây trồng do nguyên đơn trồng và khu mộ gia tộc, có 03 ngôi mộ của ông Phạm Văn N2, bà Mạch Thị

Q và bà Dương Thị Tuyết Đ (vợ ông N3). Đến tháng 03/2022, bị đơn ông Phạm Văn X về xây nhà tiền chế cạnh nhà nguyên đơn và đăng ký chủ quyền thửa đất mà cha nguyên đơn để lại và làm thủ tục chuyển nhượng cho bà Trần Thị Kim C1, diện tích 1.000m² với giá 300.000.000 đồng. Ngoài phần đất này ra nguyên đơn không còn chỗ ở nào khác. Nguyên đơn thống nhất chia di sản trên thành 06 phần và hiện tại nguyên đơn đang ở vị trí số (III) theo mảnh trích đo địa chính số 179/CHK, ngày 31/10/2025, có diện tích 391,1m² nhưng nguyên đơn yêu cầu được nhận vị trí số (V), có diện tích 313,3m² thuộc quyền sở hữu hợp pháp của nguyên đơn. Đối với lối đi và đất hương quả thống nhất giao cho bà Phạm Thị S quản lý, các phần còn lại thống nhất chia cho bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Trong quá trình tố tụng bị đơn Phạm Văn X ủy quyền cho Phạm Văn N3 trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp của cha mẹ là ông Phạm Văn N2 và bà Mạch Thị Q, khi mất không để lại di chúc, lúc cha mẹ còn sống phần đất trên đã cho bị đơn. Phần đất trên từ trước đến nay do bị đơn và ông N3 quản lý, sử dụng, canh tác, trên phần đất có căn nhà bị đơn xây dựng, khoảng năm 2012 và ông N3 có cho ông Phạm Văn T xây nhà ở nhờ.

Phần đất trên trước đây đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn N2 sau đó ông N2 mất và ông N3 làm thủ tục từ chối nhận di sản cho ông X đứng tên, mục đích vay ngân hàng, các anh em trong gia đình không biết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không thống nhất chia cho nguyên đơn, bị đơn thống nhất trừ khu mộ và chia phần đất tranh chấp thành 02 kỷ phần cho bị đơn và cho ông Phạm Văn N3. Ngoài phần đất này bị đơn không còn phần đất nào khác để ở. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn đồng ý chia thành 06 kỷ phần theo mảnh trích đo địa chính số 179/CHK, ngày 31/10/2025 của Công ty cổ phần Đ1 và yêu cầu công nhận vị trí số (IV) cho bị đơn. Đối với ý kiến trước đây có chuyển nhượng phần đất trên cho bà Phạm Thị Kim C2 số tiền 300.000.000 đồng, nhưng thực tế chưa chuyển nhượng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Phạm Văn X Luật sư Trần Minh T2 thống nhất với lời trình bày của ông N3 đại diện theo ủy quyền của bị đơn, yêu cầu bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn N3 (có đơn yêu cầu độc lập) trình bày: Ông là con thứ 6 của ông N2 và bà Q. Về nguồn gốc và quá trình sử dụng thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn.

Nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế phần đất được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: CH00257, diện tích 2.367,2m², tờ bản đồ số 15, địa chỉ: ấp Đ, xã T, thành phố N, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 16/01/2019 cho hộ ông

Phạm Văn X. Trước đây anh em trong gia đình thống nhất thỏa thuận phần đất trên chia làm 03 phần, nhưng sau đó các bên thay đổi ý kiến. Đối với phần diện tích khu mộ và lối đi chung giao cho bà Phạm Thị S quản lý và ông yêu cầu công nhận vị trí số (VI), có diện tích 313,3m² theo mảnh trích đo địa chính số 179/CHK, ngày 31/10/2025 của Công ty cổ phần Đ1 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Chiến C, bà Phạm Thị Kim H1, bà Phạm Kim C2 và bà Trần Thị Kim C1 cùng ủy quyền cho ông Phạm Văn N3 trình bày: Các ông, bà là con của ông Phạm Văn T3 và bà Mạc Thị Q1. Trong vụ án này các ông, bà từ chối nhận di sản và không yêu cầu chia.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị S, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn V (có đơn yêu cầu độc lập) ủy quyền cho ông Huỳnh Minh H3 trình bày: Về nguồn gốc quá trình sử dụng các ông bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn. Khi phát sinh tranh chấp các anh em trong gia đình thống nhất thỏa thuận theo mảnh trích đo địa chính ngày 20/12/2024 của Công ty cổ phần Đ1 và thiết kế xây dựng CHK Việt Nam với phần đất tranh chấp có tổng diện tích: 2.280,2m², thửa đất số 151, loại đất CLN, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00257, cấp ngày 16 tháng 01 năm 2019, do Ủy ban nhân dân thị xã N, đồng ý thống nhất thỏa thuận như sau:

Vị trí (I); (II): Giao phần khu mộ cho bà Phạm Thị S quản lý, có tổng diện tích 622,8m², trong đó: (Nền mộ có diện tích 46,8m², loại đất CLN, thuộc thửa 151).

Công nhận vị trí (III) cho bà Phạm Thị S có diện tích 198,2m², loại đất CLN, thuộc thửa 151 công nhận cho bà S.

Công nhận vị trí (IV) cho bà Phạm Thị H có diện tích: 196,5m², loại đất CLN, thuộc thửa 151.

Công nhận vị trí (V) cho ông Phạm Văn T có diện tích: 266,6m², loại đất CLN, thuộc thửa 151. Trên phần đất có vị trí (a) là nhà phụ của ông Phạm Văn T, có diện tích 22,9m²; vị trí (b): Nhà chính của ông Phạm Văn T, có diện tích 45,6m².

Công nhận vị trí (VI) cho ông Phạm Văn X có diện tích 313,4m², loại đất CLN, thuộc thửa 151. Trong đó có vị trí (c): Nhà chính của ông Phạm Văn X, có diện tích 2,8m²; (d): Nhà chính của ông Phạm Văn X, có diện tích 50,7m².

Công nhận vị trí (VII) cho ông Phạm Ngọc N có diện tích 313,3m², loại đất CLN, thuộc thửa 151.

Công nhận vị trí (IX) là phần lối đi chung giao bà Phạm Thị S quản lý, có diện tích 64,9m², loại đất CLN, thuộc thửa 151.

Công nhận vị trí (VIII) cho ông Phạm Văn V có diện tích 304,3m², loại đất CLN, thuộc thửa 151.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án các đương sự thay đổi ý kiến liên tục. Nguyên đơn yêu cầu đo đạc, thẩm định lại. Tại phiên tòa sơ thẩm, các ông bà yêu cầu Tòa án công nhận quyền sở hữu hợp pháp cụ thể như sau: Công nhận cho bà Phạm Thị S vị trí số (I), có diện tích: 442,1m², loại đất CLN, thuộc thửa 151 thuộc quyền sở hữu của bà và giao vị trí (e) và (f) cho bà S quản lý có diện tích 111,6m²

Yêu cầu Tòa án công nhận quyền sở hữu hợp pháp cho bà Phạm Thị H vị trí số (II), có diện tích: 398,1m², loại đất CLN, thuộc thửa 151 thuộc quyền sở hữu của bà H.

Yêu cầu Tòa án công nhận quyền sở hữu hợp pháp cho ông Phạm Văn V vị trí số (VI), có diện tích: 304,3m², loại đất CLN, thuộc thửa 151 thuộc quyền sở hữu của ông V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy M và bà Nguyễn Thị Thúy H4 trình bày: Ông, bà là con bà Hồ Thị L1 với ông Nguyễn Văn C3. Đối với tài sản của ông Phạm Văn N2 ông không biết. Nay các bên phát sinh tranh chấp ông, bà không yêu cầu chia thừa kế và không yêu cầu độc lập. Nếu được hưởng thừa kế thì suất của ông, bà giao cho ông Phạm Văn T.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Nguyễn Loan T1, bà Trần Thị Mỹ H2 và bà Trần Thị Mỹ P vắng nên không có lời trình bày.

Tại bản án sơ thẩm số 22/2026/DS-ST ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân KV - Cần Thơ tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Văn T. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Phạm Văn X và chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị S, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn N3, ông Phạm Văn V.

2. Công nhận vị trí số (III) có diện tích 397,1m² loại đất CLN, thuộc thửa 151 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Văn T. Ổn định vật kiến trúc và các loại cây trồng trên đất gồm: Dừa: 02 cây loại B cho nguyên đơn sử dụng. Buộc bị đơn tháo dỡ phần nhà tiền chế bị ảnh hưởng vị trí (c) diện tích 2,8m² để giao trả đất cho nguyên đơn.

3. Công nhận vị trí số (IV), có diện tích: 313,4m², loại đất CLN, thuộc thửa 151 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị đơn ông Phạm Văn X. Ổn định cho ông X tiếp tục sử dụng phần đất trên.

4. Công nhận vị trí số (I), có diện tích: 442,1m², loại đất CLN, thuộc thửa 151 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Phạm Thị S và giao vị trí (e) và (f) cho bà S quản lý có diện tích 111,6m².

5. Công nhận vị trí số (II), có diện tích: 398,1m², loại đất CLN, thuộc thửa 151 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Phạm Thị H.

6. Công nhận phần đất vị trí (V), có diện tích: 313,3m², loại đất CLN, thuộc thửa 151 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Phạm Văn N3. Ôn định cây trồng trên đất dừa 01 cây loại A cho ông N3 sử dụng.

7. Công nhận vị trí số (VI), có diện tích: 304,3m², loại đất CLN, thuộc thửa 151 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Phạm Văn V.

8. Buộc bị đơn ông Phạm Văn X có trách nhiệm giao đất, vật kiến trúc và cây trồng ở các vị trí (I), (e) và (f) cho bà Phạm Thị S; Vị trí số (III) cho ông Phạm Văn T; Vị trí số (V) cho ông Phạm Văn N3 và vị trí số (VI) cho ông Phạm Văn V kèm theo mảnh trích đo địa chính số 179/CHK, ngày 31/10/2025 của Công ty cổ phần Đ1.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi có đủ các điều kiện nhập, tách thửa, hợp thửa theo quy định pháp luật.

9. Đối với số tiền chênh lệch giữa các kỷ phân đã nhận các đương sự không yêu cầu nhận nên không đặt ra xem xét.

10. Công trình trên đất và tài sản trên đất các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, nguyên đơn ông Phạm Văn T có đơn kháng cáo. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng cho ông nhận thừa kế hiện vật diện tích 313,3m², loại đất CLN, thửa 151 theo mảnh trích đo địa chính ngày 31/10/2025.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Phạm Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án theo hướng công nhận cho ông được nhận thừa kế tại vị trí số V mà Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận cho ông Phạm Văn N3.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm: Từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Phạm Văn T có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Đối với kháng cáo của nguyên đơn được nhận thừa kế bằng hiện vật diện tích 313,3m², loại đất CLN, thửa 151 theo mảnh trích đo địa chính ngày 31/10/2025, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất về di sản thừa kế, hàng thừa kế và thống nhất yêu cầu chia thừa kế phần đất theo mảnh trích đo địa chính số 179/CHK, ngày 31/10/2025 của Công ty cổ phần Đ1 có tổng diện tích đo đạc thực tế là 2.280,2m², thửa đất số 151, loại đất CLN, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00257, cấp ngày 16 tháng 01 năm 2019, do Ủy ban nhân dân thị xã N (nay là thành phố N) cấp cho ông Phạm Văn X, có giá trị 661.171.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi một triệu một trăm bảy mươi một nghìn đồng) là di sản thừa kế của cụ Phạm Văn N2 để lại.

Việc chia thừa kế bằng hiện vật cho các đồng thừa kế đều đảm bảo về điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất và diện tích tối thiểu tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo Quyết định số 44/2025/QĐ-UBND, ngày 11/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố C.

Xét thấy, phần đất tại vị trí số (III) có diện tích 397,1m² loại đất CLN, thuộc thửa 151 từ trước đến nay đều do nguyên đơn ông Phạm Văn T đang trực tiếp quản lý, sử dụng ổn định, trên phần đất có căn nhà cấp 4 và tài sản gắn liền với đất do nguyên đơn ông Phạm Văn T xây dựng và hiện đang sinh sống, thờ cúng cụ N2. Căn nhà được xây dựng kiên cố, kết cấu cột bê tông cốt thép, vách tường, máy tole, nền gạch bông, trần Prima, trường hợp phá dỡ sẽ gây thiệt hại về tài sản. Từ những cơ sở trên, Tòa án cấp sơ thẩm công nhận vị trí số (III) có diện tích 397,1m² thuộc quyền sở hữu hợp pháp cho nguyên đơn ông Phạm Văn T là có căn cứ.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Phạm Văn T có kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông là hợp lý và thật sự cần thiết. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu thay đổi vị trí đất được nhận thừa kế của nguyên đơn.

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo ông Phạm Văn T là người cao tuổi nên được miễn tạm ứng án phí, án án phí phúc thẩm theo quy định.

[5]. Các phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 22/2026/DS-ST ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân KV - Cần Thơ.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo ông Phạm Văn T là người cao tuổi nên được miễn tạm ứng án phí, án phí phúc thẩm theo quy định.

Các phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 17 tháng 7 năm 2026.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- Tòa án nhân dân KV – Cần Thơ;
- Phòng THADS KV – Cần Thơ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hoàng Lâm

